

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 14 - 12- 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH TH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đình Tâm; bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Văn Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:112/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2022/QĐST- HNGĐ ngày 30/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị N - Sinh năm: 1982

Nơi ĐKKHKT: Khu phố 1, thị trấn VD, huyện TT, tỉnh TH.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Bùi, xã Thành Thọ, huyện TT, tỉnh TH.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1971

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn VD, huyện TT, tỉnh TH.

Tại phiên tòa vắng mặt chị N và anh H (Chị Cao Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Cao Thị N trình bày: Chị Cao Thị N và anh Nguyễn Văn H chung sống như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2003. Đến ngày 15 tháng 9 năm 2014 chị N, anh H đã đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã TV (Nay là thị trấn VD), huyện TT,

tỉnh TH. Sau khi về chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ, chồng tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai người đã sống ly thân được 2 năm nay. Đến nay, chị N xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên chị N yêu cầu Toà án giải quyết cho chị N được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H (Giới tính: Nam), sinh ngày: 27/02/2004 và cháu Nguyễn Văn H1 (Giới tính: Nam), sinh ngày: 30/12/2005. Cháu H đã đủ 18 tuổi nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh H và chị N chung sống như vợ chồng từ năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, đến ngày 15 tháng 9 năm 2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã TV (Nay là thị trấn VD), huyện TT, tỉnh TH. Vợ, chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ. Hiện nay chị N đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện TT. Anh H vẫn còn tình cảm với chị N và có mong muốn vợ, chồng H giải đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Anh H không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày: 27/02/2004 và cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày: 30/12/2005. Anh H muốn vợ, chồng H giải đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Cháu H đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Cao Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Giao cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày: 30/12/2005 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N.

- Về án phí: Chị Cao Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Cao Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H. Anh H có nơi cư trú tại huyện TT, tỉnh TH. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân.

[2] Về hôn nhân: Chị Cao Thị N và anh Nguyễn Văn H chung sống như vợ chồng từ năm 2003, đến ngày 15 tháng 9 năm 2014 anh H, chị N đã đăng ký kết hôn tại UBND xã TV (Nay là thị trấn VD), huyện TT, tỉnh TH và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H đề nghị Tòa án H giải để vợ chồng đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành H giải để vợ chồng đoàn tụ nH tại các buổi H giải anh H không có thiện trí để giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng hoặc không đến Tòa án để tham gia H giải mà không có lý do. Từ khi chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh H, anh H cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị N và anh H đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai được 02 năm nay. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh H không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh H là có cơ sở, nên yêu cầu của chị N được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Cao Thị N và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày: 27/02/2004 và cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày: 30/12/2005. Cháu Nguyễn Văn H đã đủ 18 tuổi chị N và anh H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không tiến hành xem xét. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn H1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hội đồng xét xử thấy: Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con của chị N và anh H là chính đáng. Tuy nhiên từ khi chị N và anh H sống ly thân, cháu H1 ở với chị N, được chị N chăm sóc tốt về mọi mặt và cháu H1 cũng có nguyện vọng ở với chị N. Vì vậy giao cháu Nguyễn Văn H1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị N, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị N, anh H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Cao Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H1 (giới tính: Nam) sinh ngày: 30/12/2005 cho chị Cao Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N.

Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Cao Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nH được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, theo biên lai số AA/2021/0007792 ngày 05/10/2022. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Cao Thị N và anh Nguyễn Văn H. Chị N, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- UBND thị trấn VD;
- Chi cục THADS h. TT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lưu Đình Tâm

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lưu Đình Tâm

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Tòa án ND tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã Thành Long;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán - Chủ tọa
phiên tòa**

**Quách Hà
Vinh**

Mai Văn Đảm

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Tòa án ND tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã Thạch Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán - Chủ tọa
phiên tòa**

**Lưu Đình
Tâm**

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT;
- Tòa án ND tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã Thành Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

